| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 49/2018/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018* |

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1193
Ngày: 9/4/18
Chuyển: KGVX (bn)

# NGHỊ ĐỊNH
## Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, bao gồm:

a) Điều kiện, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định); đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là tổ chức kiểm định);

b) Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là kiểm định viên); cấp, cấp lại, thu hồi thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là thẻ kiểm định viên);

c) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định).

2. Nghị định này không áp dụng đối với:

a) Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đối với trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, phân hiệu trường trung cấp sư phạm, phân hiệu trường cao đẳng sư phạm;

b) Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

3. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Kiểm định viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13 và được cấp thẻ kiểm định viên theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

3. Đánh giá ngoài là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định để xác định mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## Chương II
## ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

### Mục 1
### ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với tổ chức trong nước là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp**

1. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có trụ sở ổn định trong thời gian ít nhất 2 năm; có đủ phòng làm việc cho kiểm định viên với diện tích tối thiểu là 8 $m^2$/người; có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Có ít nhất 10 kiểm định viên làm việc toàn thời gian theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc tối thiểu từ 12 tháng trở lên cho tổ chức kiểm định.

5. Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với tổ chức nước ngoài**

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ít nhất là 5 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

**Điều 6. Điều kiện đối với người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của tổ chức kiểm định**

1. Là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu của tổ chức kiểm định là đơn vị sự nghiệp; tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc của tổ chức kiểm định là doanh nghiệp.

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không có án tích, có phiếu lý lịch tư pháp theo quy định đối với công dân Việt Nam, có giấy tờ chứng minh không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước ngoài đối với công dân nước ngoài.

3. Có thẻ kiểm định viên còn thời hạn sử dụng.

## Mục 2
## THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

### Điều 7. Thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

### Điều 8. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đối với tổ chức trong nước là 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao Quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp;

c) Tài liệu về người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của tổ chức kiểm định: Quyết định bổ nhiệm người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các giấy tờ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này;

d) Tài liệu về kiểm định viên của tổ chức kiểm định: Bản sao thẻ kiểm định viên; bản sao các hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc ký kết giữa tổ chức kiểm định và kiểm định viên;

đ) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, sở hữu nhà nếu là nhà của đơn vị sự nghiệp theo quyết định thành lập hoặc thuộc sở hữu của người đứng tên đăng ký kinh doanh hoặc bản sao hợp đồng thuê nhà hoặc thuê đất đối với trường hợp tổ chức kiểm định thuê trụ sở;

e) Bản kê diện tích phòng làm việc và trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

g) Địa chỉ trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đối với tổ chức nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh có hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ít nhất 5 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, gồm:

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của tổ chức kiểm định, trong đó nêu rõ các kết quả đạt được và địa chỉ đường dẫn của các trang thông tin điện tử liên quan;

- Giấy cho phép hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được nước sở tại cấp hoặc hiệp hội quốc tế hợp pháp cấp hoặc công nhận.

Các giấy tờ, tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định:

a) Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã được cấp;

- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với những nội dung có sửa đổi, bổ sung.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định bị mất, hỏng: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này).

4. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định

a) Tổ chức có nhu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức có nhu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này); trường hợp không cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức có nhu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở để thực hiện quản lý theo địa bàn. Danh sách tổ chức kiểm định được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 9. Đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Tổ chức kiểm định bị đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Trong quá trình hoạt động, không duy trì được một trong các điều kiện quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này;

b) Thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp không khách quan, không trung thực dẫn đến kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sai so với thực tế.

2. Thời hạn đình chỉ:

a) Trường hợp tổ chức kiểm định bị đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do nguyên nhân nêu tại điểm a khoản 1 Điều này thì thời hạn đình chỉ hoạt động tối thiểu là 01 tháng cho đến khi các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động được khắc phục, thời hạn tối đa là 3 tháng;

b) Trường hợp tổ chức kiểm định bị đình chỉ do nguyên nhân nêu tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời hạn đình chỉ hoạt động là 03 tháng.

3. Thủ tục đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 Nghị định này về hành vi vi phạm của tổ chức kiểm định quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp phải xác định rõ lý do, thời hạn đình chỉ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao quyết định đình chỉ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở để thực hiện quản lý theo địa bàn. Quyết định đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Thủ tục cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ nêu tại điểm a khoản 1 Điều này được khắc phục không quá thời hạn tối đa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Hồ sơ đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp gồm:

- Đơn đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

- Các tài liệu chứng minh tổ chức kiểm định đã khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

b) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức kiểm định gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; trường hợp không cho phép, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao quyết định về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở để thực hiện quản lý theo địa bàn. Quyết định cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

5. Trường hợp tổ chức kiểm định bị đình chỉ do nguyên nhân nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn đình chỉ tổ chức kiểm định có văn bản cam kết không vi phạm nguyên nhân bị đình chỉ gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; hết thời hạn đình chỉ, tổ chức kiểm định được phép tiếp tục hoạt động trở lại. Nếu không có văn bản cam kết thì tổ chức kiểm định không được phép tiếp tục hoạt động trở lại.

**Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Tổ chức kiểm định bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

b) Tẩy, xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định;

c) Gian lận, giả mạo giấy tờ, tài liệu để được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định được cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Bị xử phạt 3 lần trong vòng 12 tháng do vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

e) Bị đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2 lần trong vòng 12 tháng hoặc hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp mà không khắc phục được các nguyên nhân bị đình chỉ;

g) Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong thời gian bị đình chỉ hoạt động;

h) Bị giải thể đối với đơn vị sự nghiệp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động kiểm định.

2. Hồ sơ thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định

a) Trường hợp tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã được cấp;

- Phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do tổ chức kiểm định thực hiện.

b) Trường hợp bị buộc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định trong đó nêu rõ lý do thu hồi;

- Các chứng cứ dẫn đến buộc phải thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

3. Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định

a) Trường hợp tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

- Tổ chức kiểm định gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

b) Trường hợp bị buộc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định:

- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp lập hồ sơ thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở để thực hiện quản lý theo địa bàn. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, tổ chức kiểm định có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

5. Khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, các hợp đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã ký giữa tổ chức kiểm định và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề

nghiệp đang thực hiện bị chấm dứt, không có hiệu lực. Tổ chức kiểm định phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do tổ chức kiểm định thực hiện.

## Mục 3
## CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Tổ chức kiểm định có chức năng sau đây:

a) Tổ chức các hoạt động đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

b) Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định.

2. Tổ chức kiểm định có nhiệm vụ, trách nhiệm:

a) Công bố công khai Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, địa điểm đặt trụ sở, danh sách các kiểm định viên, danh sách thành viên Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định;

b) Tuân thủ quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định quy định tại Chương IV Nghị định này;

c) Xử lý các kiến nghị của kiểm định viên trong trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo không có đủ điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài;

d) Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Cung cấp hồ sơ, tài liệu bằng văn bản về kiểm định viên, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý kiểm định viên và nhân viên của tổ chức kiểm định;

g) Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 12 hằng năm, báo cáo tình hình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở (Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này). Việc báo cáo thực hiện bằng hình thức trực tuyến và văn bản;

h) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở;

i) Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

2. Ngoài các kiểm định viên làm việc toàn thời gian theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này, tổ chức kiểm định được quyền thuê kiểm định viên, chuyên gia trong nước và ngoài nước để thực hiện hợp đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Tham gia các tổ chức nghề nghiệp về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong nước và quốc tế.

4. Ký kết các hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

5. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## Chương III
## TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Điều 13. Tiêu chuẩn kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

3. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về quản lý, giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp hoặc làm việc về ngành, nghề có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo.

4. Hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hoặc do đơn vị được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp giao nhiệm vụ tổ chức.

5. Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

6. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên.

**Điều 14. Nhiệm vụ của kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Bảo quản thẻ kiểm định viên; không cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ kiểm định viên của người khác; chỉ sử dụng thẻ kiểm định viên trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Tuân thủ các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với thành viên đoàn đánh giá ngoài.

3. Cung cấp thông tin cá nhân cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp khi được yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Quyền hạn của kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Được ký hợp đồng với tổ chức kiểm định.

2. Trong thời gian tham gia đoàn đánh giá ngoài, kiểm định viên có các quyền sau đây:

a) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;

b) Yêu cầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được đánh giá ngoài cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan;

c) Bảo lưu ý kiến cá nhân;

d) Nếu xét thấy cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo không có đủ điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài theo quy định thì báo cáo, kiến nghị với tổ chức kiểm định và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để xử lý.

**Điều 16. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại và thu hồi thẻ kiểm định viên.

**Điều 17. Thời hạn của thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Trường hợp với thẻ kiểm định viên được cấp mới, cấp lại do hết thời hạn thì thời hạn của thẻ là 5 năm kể từ ngày cấp.

2. Trường hợp thẻ kiểm định viên được cấp lại do bị hỏng hoặc bị mất thì thời hạn của thẻ là thời gian còn lại của thẻ kiểm định viên đã được cấp.

**Điều 18. Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và đạt yêu cầu theo quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được cấp thẻ kiểm định viên (Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này).

2. Người có nhu cầu cấp thẻ kiểm định viên gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp thẻ đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ kiểm định viên (Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) 04 ảnh màu giống nhau, cỡ 2 cm x 3 cm chụp trên nền màu sáng, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, mặc thường phục, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ đáp ứng quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định này;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do trung tâm y tế cấp huyện hoặc cấp tương đương trở lên cấp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

3. Trường hợp người có nhu cầu cấp thẻ kiểm định viên không đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không được tham gia đánh giá cấp thẻ kiểm định viên.

4. Trường hợp người có nhu cầu cấp thẻ kiểm định viên có hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13 Nghị định này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức đánh giá cấp thẻ kiểm định viên theo quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban

hành. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh sách người được đánh giá cấp thẻ kiểm định viên đạt yêu cầu, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp thẻ kiểm định viên cho người đạt yêu cầu và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 19. Cấp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Thẻ kiểm định viên được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn;

b) Bị hỏng hoặc bị mất.

2. Thẻ kiểm định viên hết thời hạn không được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn ghi trên thẻ kiểm định viên mà kiểm định viên không đề nghị cấp lại;

b) Trong thời hạn của thẻ kiểm định viên mà kiểm định viên không tham gia hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Người có nhu cầu cấp lại thẻ kiểm định viên gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên (Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) 04 ảnh màu giống nhau, cỡ 2 cm x 3 cm chụp trên nền màu sáng, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, mặc thường phục, được chụp trong thời gian không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản khai quá trình tham gia hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong thời gian thẻ kiểm định viên còn giá trị sử dụng và bản sao các hợp đồng ký với tổ chức kiểm định để thực hiện đánh giá ngoài (nếu có);

d) Thẻ kiểm định viên đã được cấp bị hỏng hoặc hết thời hạn.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp kiểm tra, đối chiếu, cấp lại thẻ kiểm định viên. Trường hợp không cấp lại thẻ kiểm định viên, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho người có nhu cầu cấp lại thẻ kiểm định viên và nêu rõ lý do.

**Điều 20. Thu hồi thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Thẻ kiểm định viên bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai để được cấp thẻ kiểm định viên;

b) 2 (hai) lần bị tước quyền sử dụng thẻ kiểm định viên trong thời hạn của thẻ kiểm định viên theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày xác định rõ một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ra quyết định thu hồi thẻ kiểm định viên, thông báo cho các tổ chức kiểm định và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Ngay sau khi có quyết định thu hồi thẻ kiểm định viên, người bị thu hồi thẻ kiểm định viên có trách nhiệm nộp lại thẻ kiểm định viên cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

## Chương IV
## CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Điều 21. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Người đứng đầu của tổ chức kiểm định là đơn vị sự nghiệp; tổng giám đốc hoặc giám đốc của tổ chức kiểm định là doanh nghiệp, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định.

**Điều 22. Thời hạn của Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp.

**Điều 23. Cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

a) Trong thời hạn 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề

nghiệp của tổ chức kiểm định tiến hành tổ chức thẩm định kết quả của đoàn đánh giá ngoài theo quy định do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 6 Nghị định này xem xét, ra quyết định công nhận kết quả đánh giá ngoài.

Quyết định công nhận kết quả đánh giá ngoài nêu rõ công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn hoặc không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, trong đó nêu rõ tổng số điểm đánh giá.

2. Tổ chức kiểm định cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định cho chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này).

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn hoặc không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được kiểm định đặt trụ sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở bản sao quyết định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn hoặc không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, bản sao Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định (nếu có).

4. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp giấy chứng nhận.

**Điều 24. Thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Các trường hợp bị thu hồi:

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì bị thu hồi các Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (đối với chương trình đào tạo có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bị thu hồi);

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp thì bị thu hồi toàn bộ các Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đã được cấp;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có 02 năm liên tiếp không báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì bị thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có 02 năm liên tiếp không báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì bị thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đó;

đ) Tổ chức kiểm định thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định không đúng quy định tại Nghị định này;

e) Có hành vi bàn bạc, thoả thuận, thống nhất giữa tổ chức kiểm định và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhằm làm sai lệch kết quả đánh giá ngoài để được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định;

g) Gian lận, giả mạo hoặc tẩy, xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung giấy tờ, tài liệu để đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

h) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong thời gian Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đã cấp còn thời hạn.

2. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định có hành vi vi phạm một trong các quy định khoản 1 Điều này:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, trường hợp xác định phải thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp yêu cầu tổ chức kiểm định thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đã cấp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định ra quyết định thu hồi và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đặt trụ sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở bản sao quyết định thu hồi.

b) Trường hợp tổ chức kiểm định phát hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được tổ chức thực hiện kiểm định có hành vi vi phạm một trong các quy định tại khoản 1 Điều này:

Tổ chức kiểm định thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có được kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, trường hợp xác định phải thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đã cấp, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định ra quyết định thu hồi và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định đặt trụ sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức kiểm định đặt trụ sở bản sao quyết định thu hồi.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định cho tổ chức kiểm định.

3. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định, trang thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận.

## Chương V
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp cho các cơ sở dạy nghề, Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp cho trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có giá trị tương đương Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho đến hết thời hạn ghi trên giấy chứng nhận.

2. Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, người được cấp chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo kiểm định viên chất lượng cơ sở dạy nghề trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và là thành viên đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề do Tổng cục Dạy nghề thành lập:

a) Được xem như hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

b) Được tham gia đoàn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

c) Được xem là kiểm định viên khi đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

3. Người được cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng đại học và trung cấp chuyên nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và thẻ còn thời hạn:

a) Được tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp yêu cầu phải có thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến khi thẻ được cấp hết thời hạn;

b) Được cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp nếu hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp mà không phải tham gia đánh giá cấp thẻ kiểm định viên theo quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Quy định quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên, phê duyệt kế hoạch phát triển đội ngũ kiểm định viên, kế hoạch cấp thẻ kiểm định viên hàng năm;

b) Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

c) Quy định về khung giá dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tổ chức hoặc giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên; ban hành ngân hàng đề thi đánh giá phục vụ cấp thẻ kiểm định viên;

b) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện các quy định khác thuộc trách nhiệm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với tổ chức kiểm định trên địa bàn và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan;

b) Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tình hình thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn bằng hình thức trực tuyến và văn bản.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

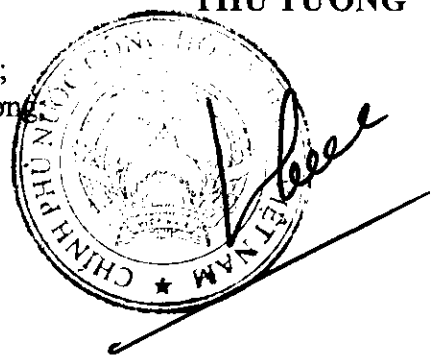
Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

**Điều 28. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).KN 105

**TM. CHÍNH PHỦ**
**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ lục**

*(Kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 02 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 03 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 04 | Đơn đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 05 | Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 06 | Báo cáo tình hình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của tổ chức kiểm định |
| Mẫu số 07 | Thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 08 | Đơn đề nghị cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 09 | Đơn đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 10 | Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp |
| Mẫu số 11 | Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo |

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*....., ngày ... tháng ... năm .....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

4. Website: .....

5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

6. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số ..... /2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Đề nghị Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

7. Hồ sơ kèm theo gồm:

- .....

- .....

8. ... <Tên tổ chức đề nghị>..... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- .....<br>- ... | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 02**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*....., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

3. Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail: .....

4. Website: .....

5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ..... Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số ....., ngày cấp:.....

7. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

8. Tài liệu kèm theo gồm có:

- .....;

- .....;

9. ...<Tên tổ chức đề nghị>... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- ...<br>- ... | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 03**

| | |
|---|---|
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /GCN-BLĐTB&XH | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 2018* |

# GIẤY CHỨNG NHẬN

**Địa chỉ trụ sở:** .....

## ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**BỘ TRƯỞNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu )*

**Mẫu số 04**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | *....., ngày ... tháng ... năm ...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

3. Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail: .....

4. Website: .....

5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ..... Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số: ....., ngày cấp:.....

7. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

Lý do đề nghị: .....

.....

8. Tài liệu kèm theo gồm có:

- .....;

- .....;

9. ...<Tên tổ chức đề nghị>... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- ...<br>- ... | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 05**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*....., ngày ... tháng ... năm .....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

4. Website: .....

5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số: ....., ngày cấp:.....

7. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cho chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

Lý do đề nghị: .....

.....

8. Tài liệu kèm theo gồm có:

- .....;

- .....;

9. ...<Tên tổ chức đề nghị>... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng, đủ các nội dung của phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** |
| - ..... | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| - ... | |

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..... | ....., *ngày ..... tháng ..... năm .....* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM.....**

*(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)*

Kính gửi: .....

Thực hiện quy định tại Nghị định số ....., ...<tên tổ chức kiểm định> báo cáo tình hình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm ..... như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH**

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

3. Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail: .....

4. Website: .....

5. Được thành lập theo Quyết định/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....cơ quan cấp: ..... cấp ngày .....tại.....

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số: ....., ngày cấp:.....

7. Thông tin về người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định của tổ chức kiểm định:

- Họ tên:..... Giới tính: .....;

- Thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số....., ngày cấp .....;

- Trình độ, chuyên ngành đào tạo:.....;

- Kinh nghiệm tham gia đoàn đánh giá ngoài và kinh nghiệm khác liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Số năm kinh nghiệm: ....., số lượng đoàn đánh giá ngoài đã tham gia:.....

- Thông tin liên hệ: (điện thoại, địa chỉ, email .....);

8. Thông tin về Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết theo Mẫu số 6.1 kèm theo

9. Thông tin về kiểm định viên làm việc toàn thời gian tại tổ chức kiểm định

Chi tiết theo Mẫu số 6.2 kèm theo

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

1. Thông tin về các đoàn đánh giá ngoài trong năm

Chi tiết theo Mẫu số 6.3 kèm theo

2. Báo cáo kết quả hoạt động kiểm định

Chi tiết theo Mẫu số 6.4 kèm theo

3. Báo các kết quả các hoạt động khác liên quan tới chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức

<Các hoạt động như cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định; các vi phạm của tổ chức kiểm định (nếu có) đã được xử lý; ....>

**III. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đánh giá công tác kiểm định.

2. Những vấn đề nảy sinh vướng mắc, khó khăn trong quá trình kiểm định.

3. Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nâng cao hoạt động kiểm định./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 6.1**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

# THÔNG TIN HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM .....

- Tổng số thành viên: .....người;

- Thành viên của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: <Có thay đổi/Không thay đổi> (so với năm trước năm báo cáo)

| TT | Họ và tên | Vị trí trong Hội đồng | Ngày sinh | Giới tính | Trình độ, chuyên ngành đào tạo | Thẻ KĐV | | Không có thẻ KĐV | Điện thoại liên hệ | Email | Kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục/GDNN/KĐCL GD/ KĐCL GDNN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số | Ngày cấp | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | ..... | <Chủ tịch/ Phó Chủ tịch/ Thư ký/Ủy viên> | ..... | .... | ..... | .... | ..... | | .... | ..... | số năm kinh nghiệm: ....., số lượng đoàn đánh giá ngoài đã tham gia:..... | |
| 2 | .... | | ..... | .... | ..... | .... | ..... | | .... | ..... | ..... | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

***Lưu ý:***

- (7), (8): Ghi đúng số, ngày cấp trên thẻ kiểm định viên (nếu có);
- (9): Đánh dấu "X" vào ô tương ứng thuộc cột (9) nếu không có thẻ kiểm định viên và để trống ô (7), (8);
- (13): Ghi là "bổ sung" hoặc "thay thế thành viên khác".

**Mẫu số 6.2**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

# THÔNG TIN KIỂM ĐỊNH VIÊN LÀM VIỆC TOÀN THỜI GIAN TẠI TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH NĂM .....

- Tổng số kiểm định viên: .....người;
- Số lượng kiểm định viên tăng trong năm: ..... người;
- Số lượng kiểm định viên giảm trong năm: ..... người;

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Trình độ, chuyên ngành đào tạo | Thẻ KĐV | | Điện thoại liên hệ | Email | Kinh nghiệm đi đoàn đánh giá ngoài trong năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số | Ngày cấp | | | Kiểm định cơ sở GDNN | Kiểm định chương trình đào tạo GDNN |
| 1 | .... | ..... | .... | ..... | .... | ..... | .... | ..... | <a) Số lượng cơ sở đã tham gia đánh giá.<br>b) Tên các cơ sở đã tham gia đánh giá> | <a) Số lượng chương trình đã tham gia đánh giá.<br>b) Tên các chương trình đào tạo, tại cơ sở, đã tham gia đánh giá> |
| 2 | .... | ..... | .... | ..... | .... | ..... | .... | ..... | .... | ..... |
| 3 | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | | | |

**Mẫu số 6.3**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

# THÔNG TIN VỀ CÁC ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI NĂM ....

## I. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

| STT | Tên cơ sở tham gia đánh giá | Thời gian khảo sát thực tế tại cơ sở | Họ tên kiểm định viên | Vị trí trong Đoàn | Kiểm định viên làm việc toàn thời gian tại Tổ chức | Số thẻ KĐV | Chức vụ, đơn vị công tác | Địa chỉ liên hệ | Điện thoại | Email |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | | | | Trưởng đoàn | | | | | | |
| | | | | Thư ký | | | | | | |
| | | | | Thành viên | | | | | | |
| | | | | ... | | | | | | |
| | | | | ... | | | | | | |
| ... | ..... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

## II. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| STT | Tên chương trình đào tạo, trình độ, cơ sở tham gia đánh giá | Thời gian khảo sát thực tế tại cơ sở | Họ tên kiểm định viên | Vị trí trong Đoàn | Kiểm định viên làm việc toàn thời gian tại Tổ chức | Số thẻ KĐV | Chức vụ, đơn vị công tác | Địa chỉ liên hệ | Điện thoại | Email |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | | | | Trưởng đoàn | | | | | | |
| | | | | Thư ký | | | | | | |
| | | | | Thành viên | | | | | | |
| | | | | ... | | | | | | |
| | | | | ... | | | | | | |
| ... | ..... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

***Ghi chú:*** Danh sách các đoàn theo thứ tự thời gian từ đầu năm đến cuối năm;

(6): Dấu "X" nếu là Kiểm định viên làm việc toàn thời gian tại tổ chức kiểm định;

(8): Kiểm định viên đã nghỉ hưu thì ghi Chức vụ, Đơn vị công tác trước khi nghỉ hưu.

**Mẫu số 6.4**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM .....

## I. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

| TT | Tên cơ sở GDNN | Địa chỉ trụ sở chính | Thông tin liên hệ | | | Website | Loại hình | Cơ quan chủ quản | Năm được đánh giá ngoài | Tổng số điểm đánh giá | Đạt tiêu chuẩn KĐCL GDNN | | Không đạt tiêu chuẩn KĐCL | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Điện thoại | Fax | Email | | | | | | Số GCN | Ngày cấp GCN | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| | <Tên cơ sở GDNN được sắp xếp theo ABC> | .... | .... | .... | .... | .... | <Công lập/Tư thục/ Vốn đầu tư nước ngoài> | | | .... | .... | .... | .... | .... |
| | | | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:*** - (14) Đánh dấu "X" nếu Cơ sở giáo dục nghề nghiệp không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và bỏ trống (12), (13).

## II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ trụ sở chính | Thông tin liên hệ | | | Website | Loại hình | Cơ quan chủ quản | Chương trình đào tạo | | Trình độ | Năm được đánh giá ngoài | Tổng số điểm đánh giá | Đạt tiêu chuẩn KĐCL CTĐT | | Không đạt tiêu chuẩn KĐCL | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Điện thoại | Fax | Email | | | | Tên CTĐT | Thuộc DS nghề trọng điểm | | | | Số GCN | Ngày cấp GCN | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 1 | <Tên cơ sở được sắp xếp theo ABC> | | | | | | <Công lập/ Tư thục/ Vốn đầu tư nước ngoài> | | | | <CĐ/ TC/ SC> | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:*** - (11) Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu Chương trình đào tạo thuộc danh sách nghề trọng điểm được phê duyệt;
- (17) Đánh dấu "X" nếu Chương trình đào tạo không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và bỏ trống (15), (16).

**Mẫu số 07**

1. Kích thước

Thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp có kích thước 8,5 cm x 5,5 cm

2. Nội dung

a) Mặt trước thẻ:

| | |
|---|---|
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI<br>**TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| (ảnh 2 x 3 đóng dấu giáp lai hoặc dấu nổi) | **THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN**<br>**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**<br>**Số: .../...** |
| | Họ và tên: .....<br>Ngày sinh: .....<br>Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân:.....<br>Ngày cấp:..... Nơi cấp: ..... |
| Thời hạn đến: ..... | *....., ngày ..... tháng..... năm ....*<br>**TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

b) Mặt sau thẻ:

**Trách nhiệm của kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp:**

1. Sử dụng thẻ để thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

2. Giữ gìn cẩn thận; không làm mất, hư hỏng, sửa chữa, tẩy xóa thẻ;

3. Không cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp của người khác để thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

4. Không sử dụng thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp vào các mục đích khác trái quy định.

**Mẫu số 08**

Ảnh 2 x 3

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ
## Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên (Chữ in hoa có dấu): ..... Nam/Nữ .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Dân tộc: .....
3. Số CMND/hộ chiếu/căn cước công dân: ... cấp ngày .....tại.....
4. Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....
5. Quê quán: .....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
7. Chỗ ở hiện nay: .....
8. Đơn vị công tác hiện nay: ..... Địa chỉ: .....; Chức vụ: .....
9. Trình độ chuyên môn cao nhất (TSKH, TS, ThS, Cử nhân, Kỹ sư,): .....
10. Trình độ ngoại ngữ (tên ngoại ngữ + trình độ): .....
11. Trình độ tin học: .....

**II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

1. Tham gia khóa đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức:

- Từ ngày: ..... đến ngày: .....;
- Số chứng chỉ: .....; ngày cấp: .....

2. Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng đại học và trung cấp chuyên nghiệp (nếu có):

- Số thẻ: .....
- Ngày cấp: .....; nơi cấp.....

3. Quá trình công tác:

| TT | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác | Thời gian | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Từ | Đến | |
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| ... | | | | |

4. Tổng thời gian giảng dạy hoặc làm công tác quản lý, nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: .... năm.

5. Tổng thời gian làm việc liên tục trong một lĩnh vực liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo: .... năm.

**III. HỒ SƠ KÈM THEO**

- .....

- .....

Sau khi nghiên cứu quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tôi thấy bản thân đáp ứng đủ tiêu chuẩn kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị được cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Tôi cam đoan những nội dung trên hoàn toàn đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ kèm theo./.

*....., ngày ... tháng ... năm ...*
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 09**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ
## Cấp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

1. Họ và tên (Chữ in hoa có dấu): ..... Nam/Nữ .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Dân tộc: .....
3. Số CMND/hộ chiếu/căn cước công dân: ... cấp ngày .....tại.....
4. Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....
5. Quê quán: .....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
7. Chỗ ở hiện nay: .....
8. Đơn vị công tác hiện nay: ..... Địa chỉ: .....; Chức vụ: .....
9. Trình độ chuyên môn cao nhất (TSKH, TS, ThS, Cử nhân, Kỹ sư,): .....
10. Trình độ ngoại ngữ (tên ngoại ngữ + trình độ): .....
11. Trình độ tin học: .....
12. Số thẻ kiểm định viên chất lượng GDNN: ...../..... cấp ngày ....., thời hạn sử dụng: .....;
13. Lý do đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên: .....

Kính đề nghị Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét cấp lại thẻ kiểm định viên cho tôi.

Tôi cam đoan những nội dung trên hoàn toàn đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này./.

*....., ngày....tháng....năm.....*
**Người đề nghị**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 10**

1. Kích thước và quy cách:

- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có kích thước 19 cm x 26 cm, in nền hoa văn trống đồng màu hồng cánh sen

- Quốc hiệu và dòng chữ "Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp" in màu đỏ.

2. Nội dung:

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

**CERTIFICATE OF INSTITUTIONAL ACCREDITATION**

**<NAME OF ACCREDITATION ORGANIZATION>**

**CERTIFIES THAT**

**<NAME OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION>**

has met the required vocational education and training institution accreditation standards issued by the Minister of Labour - Invalids and Social Affairs.

Total score achieved: .....

This certification is valid until .....

....., .....

**<HEAD OF ACCREDITATION ORGANIZATION>**

Registration number.: .....

Decision number: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

**CÔNG NHẬN**

**<TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP>**

đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

Tổng số điểm đạt được:.....

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày .....

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**<NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>** (1)

Số đăng ký: (2)/(3)

Quyết định số: (4)

**Hướng dẫn:**

(1): Người đứng đầu Tổ chức kiểm định đối với đơn vị sự nghiệp, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc đối với doanh nghiệp.

(2): Số thứ tự của giấy chứng nhận, theo thứ tự sắp xếp giấy đã cấp trong từng năm.

(3): Năm cấp Giấy chứng nhận.

(4): Số Quyết định công nhận kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ngày ký.

**Mẫu số 11**

1. Kích thước và quy cách:

- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có kích thước 19 cm x 26 cm, in nền hoa văn trống đồng màu hồng cánh sen

- Quốc hiệu và dòng chữ "Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo" in màu đỏ.

2. Nội dung:

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

**CERTIFICATE OF PROGRAMME ACCREDITATION**

**<NAME OF ACCREDITATION ORGANIZATION>**

**CERTIFIES THAT**

**<NAME OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING PROGRAMME, LEVEL> OF <NAME OF TRAINING INSTITUTION>**

has met the required vocational education and training programme accreditation standards issued by the Minister of Labour - Invalids and Social Affairs.

Total score achieved: .....

This certification is valid until .....

....., .....

**<HEAD OF ACCREDITATION ORGANIZATION>**

Registration number.: .....

Decision number: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**<TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>**

**CÔNG NHẬN**

**<TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ> CỦA <TÊN CƠ SỞ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN>**

đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

Tổng số điểm đạt được: .....

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày.....

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**<NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH>** (1)

Số đăng ký: (2)/(3)

Quyết định số: (4)

**Hướng dẫn:**

(1): Người đứng đầu Tổ chức kiểm định đối với đơn vị sự nghiệp, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc đối với doanh nghiệp.

(2): Số thứ tự của giấy chứng nhận, theo thứ tự sắp xếp giấy đã cấp trong từng năm.

(3): Năm cấp Giấy chứng nhận.

(4): Số Quyết định công nhận kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ngày ký.